

CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN BELL ĐỨC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN BELL ĐỨC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GERMANY BELL GROUP COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GERMANY BELL GROUP CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 4101613994

3. Ngày thành lập: 20/04/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Hòa Hội, Xã Cát Hanh, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: 0867759876

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
3.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
4.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, Bán buôn thủy sản, Bán buôn rau, quả, Bán buôn cà phê, Bán buôn chè, Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột. - Bán buôn thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng (Điều 9 Nghị định 67/2016/NĐ-CP).	4632
5.	Bán buôn đồ uống	4633
6.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn dược phẩm (Điều 33 Luật dược 2016) - Bán buôn trang thiết bị y tế (Điều 40 nghị định 98/2021/NĐ-CP) - Bán buôn dụng cụ y tế: Băng, băng, gạc, dụng cụ cứu thương, kim tiêm...; - Bán buôn máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: Máy đo huyết áp, máy trợ thính... - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm	4649
8.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
9.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế (Điều 40 nghị định 98/2021/NĐ-CP) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
12.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu, quặng uranium và thorium)	4662
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

14.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; (Điều 19 Nghị định 108/2017/NĐ-CP) - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại.	4669(Chính)
15.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện	8230
16.	Dịch vụ đóng gói	8292
17.	Giáo dục nhà trẻ	8511
18.	Giáo dục mẫu giáo	8512
19.	Giáo dục tiểu học	8521
20.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
21.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
22.	Đào tạo sơ cấp	8531
23.	Đào tạo trung cấp	8532
24.	Đào tạo cao đẳng	8533
25.	Đào tạo đại học	8541
26.	Đào tạo thạc sỹ	8542
27.	Đào tạo tiến sỹ	8543
28.	Giáo dục thể thao và giải trí (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép)	8551
29.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép)	8552
30.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn giáo dục, - kinh doanh dịch vụ tư vấn du học (Điều 107 Nghị định 46/2017/NĐ-CP và Điều 2 Nghị định số 135/2018/NĐ-CP)	8560
31.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư; (Trừ tư vấn pháp luật, kế toán, kiểm toán, tài chính, tín dụng, chứng khoán, các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính, bao gồm giao dịch thẻ tín dụng; hoạt động tư vấn và môi giới thế chấp, các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng)	6619

32.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: kinh doanh bất động sản (Điều 10 Luật Kinh doanh bất động sản 2014 và Khoản 2 Điều 75 Luật đầu tư 2020)	6810
33.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ Môi giới bất động sản; Dịch vụ Tư vấn bất động sản; Dịch vụ Quản lý bất động sản (Điều 63, Điều 74, Điều 75 Luật Kinh doanh bất động sản 2014);	6820
34.	Quảng cáo (Trừ các hoạt động cấm theo quy định tại Điều 7 luật quảng cáo 2012)	7310
35.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động môi giới thương mại - Tư vấn về công nghệ khác; - Dịch vụ chuyển giao công nghệ (Điều 45 Luật Chuyển giao công nghệ 2017)	7490
36.	Cho thuê xe có động cơ	7710
37.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm từ nhựa, thiết bị, nguyên vật liệu và phụ gia ngành nhựa; bán buôn băng keo dính	4690
38.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
39.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
40.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
41.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh, Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh, Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh, bán lẻ cà phê, chè, Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh. - Bán lẻ thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng (Điều 9 Nghị định 67/2016/NĐ-CP).	4722
42.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
43.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724

44.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (Trừ giết mổ gia súc, gia cầm)	1010
45.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
46.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
47.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
48.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
49.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
50.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
51.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
52.	Sản xuất đường	1072
53.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
54.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
55.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
56.	Sản xuất chè	1076
57.	Sản xuất cà phê	1077
58.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt; - Sản xuất dấm; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi. - Sản xuất các loại trà được thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo; - Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến; - Sản xuất thực phẩm chức năng.	1079
59.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
60.	Sản xuất rượu vang	1102
61.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
62.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
63.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
64.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
65.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430

66.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
67.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa Chi tiết: sản xuất thùng carton	1702
68.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
69.	In ấn	1811
70.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
71.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
72.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (Điều 2, Điều 3 Nghị định 93/2016/NĐ-CP)	2023
73.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất các loại hương liệu chiết xuất từ tự nhiên, - Sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng trong hóa mỹ phẩm và thực phẩm; - Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất. - Sản xuất giêlatin và dẫn xuất giêlatin, keo hồ và các chất đã được pha chế, bao gồm keo cao su; - Sản xuất chất giống nhựa; - Sản xuất các-bon hoạt tính, chất phụ gia cho dầu nhờn, chất xúc tác cho cao su tổng hợp, chất xúc tác và sản phẩm hoá chất khác sử dụng trong công nghiệp;	2029
74.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
75.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: - Sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc (Điều 32, Điều 33 Luật dược 2016) - Sản xuất thuốc cổ truyền (Điều 69 Luật dược 2016)	2100
76.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
77.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
78.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất sản phẩm từ nhựa, nhựa phụ gia, hạt nhựa, sản xuất bao bì nhựa; sản xuất băng keo dính	2220
79.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
80.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
81.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
82.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
83.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
84.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816

85.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
86.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
87.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
88.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
89.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
90.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
91.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
92.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng)	4789
93.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng; - Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet. - Bán trực tiếp qua tivi, đài, điện thoại; (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
94.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô (Điều 13 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4932
95.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 14 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4933
96.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kho ngoại quan)	5210
97.	Bốc xếp hàng hóa	5224
98.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
99.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ các hoạt động liên quan vận tải hàng không)	5229
100.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
101.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5610
102.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
103.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: - Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể. - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng	5629
104.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

105.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (Không bao gồm cung ứng, môi giới lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động đi nước ngoài)	7830
106.	Đại lý du lịch	7911
107.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
108.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
109.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
110.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
111.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
112.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
113.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
114.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
115.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
116.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
117.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ các loại đồ chơi có hại cho sự giáo dục, phát triển nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự, an toàn xã hội)	4764
118.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
119.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm (Điều 33 Luật dược 2016) - Bán lẻ trang thiết bị y tế (Điều 40 nghị định 98/2021/NĐ-CP) - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
120.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ các sản phẩm từ nhựa, thiết bị, nguyên vật liệu và phụ gia ngành nhựa; bán lẻ băng keo dính	4773

6. Vốn điều lệ: 1.970.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VŨ HUY HOÀNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/04/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036076004186

Ngày cấp: 03/05/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú & DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 7A Hoàng Diệu, Phường Năng Tĩnh, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 7A Hoàng Diệu, Phường Năng Tĩnh, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Định